TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - VĨNH LONG** Bản án số: 26/2025/DS-ST Ngày: 26-8-2025 V/v tranh chấp đòi lại tài sản là tiền góp hụi	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ngài.
Ông Nguyễn Văn Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam - Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 498/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về *"Tranh chấp đòi lại tài sản là tiền góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm: 1965 (*Có mặt*).

2. Bị đơn:

2.1- Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm: 1990 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*);

2.2- Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1989 (*Vắng mặt không lý do*).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03-6-2024, bản tự khai ngày 26-7-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn C trình bày:

Vào ngày 18-10-2022 âm lịch (ngày 11-11-2022 dương lịch), ông có tham gia dây hụi tháng 2.000.000 đồng do bà Ngô Thị Kim L (ở cùng địa phương) làm đầu thảo, dây hụi có 20 phần, trong này ông tham gia 03 phần, hụi khui mỗi tháng

một lần theo hình thức bỏ thăm, ai kêu thăm cao thì được hốt hụi, đầu thảo hưởng hoa hồng 800.000 đồng/lần khui hụi, bà L có lập sổ hụi, có giao danh sách hụi cho hụi viên giữ. Vợ chồng ông Nguyễn Minh T, bà Huỳnh Thị Ngọc H (Ông T là con của người bạn thân dạy học cùng trường với ông) hỏi mượn ông 01 phần hụi trong dây hụi này để tham gia chơi và hốt hụi xoay sở kinh tế gia đình. Do quen biết và tin tưởng nên ông đồng ý. Ở kỳ khui hụi đầu tiên, họ nhờ ông kêu thăm 650.000 đồng, trúng thăm hốt được số tiền 24.850.000 đồng. Ông đã giao đủ toàn bộ số tiền này cho vợ chồng ông T, bà H nhận, họ có ký tên Biên nhận nhận tiền ngày 11-11-2022 và cam kết sẽ đóng lại đầy đủ tiền hụi chết của phần hụi đã hốt trong dây hụi. Tuy nhiên, sau đó ông T, bà H không đóng hụi chết lần nào. Bà L (Đầu thảo hụi) đã yêu cầu ông phải đóng để thanh toán tiền hụi cho các hụi viên còn lại trong dây hụi khi trúng thăm hốt, nên ông đã phải xuất tiền riêng của ông đóng hụi chết thay đến mãn hụi 19 lần bằng 38.000.000 đồng. Cho đến nay mặc dù ông nhiều lần đòi lại tiền hụi chết đã đóng thay, nhưng ông T, bà H cố tình trốn tránh, vẫn không chịu trả. Nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H, ông T trả lại cho ông số tiền 38.000.000 đồng và yêu cầu tạm tính lãi từ ngày 25-5-2024 đến ngày khởi kiện (ngày 03-6-2024) bằng 253.346 đồng, tổng cộng là 38.253.346 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi giải quyết xong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo triệu tập của Tòa cho bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Huỳnh Thị Ngọc H tại địa chỉ đăng ký thường trú là ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long), kể cả tại nơi tạm trú là nhà cha mẹ ruột bà H tại ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp I, xã A, tỉnh Vĩnh Long), nhưng bà H, ông T đều không đến Tòa trong các lần mời làm việc. Do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, ông C có mặt giữ nguyên yêu cầu đòi bà H, ông T trả lại số tiền 38.000.000 đồng; Đối với phần yêu cầu tiền lãi thì ông C tự nguyện rút lại, không yêu cầu giải quyết nữa. Đối với bà H, ông T vắng mặt nên không có lời trình bày. Các đương sự không không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng về thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm và

đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Vị đề nghị căn cứ vào quy định tại các Điều 105, 164, 166, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn C; Buộc ông Nguyễn Minh T, bà Huỳnh Thị Ngọc H phải trả cho ông C số tiền là 38.000.000 đồng; Trường hợp ông T, bà H chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đình chỉ phần yêu cầu tiền lãi của ông C do ông tự nguyện rút lại. Ngoài ra, V đề nghị nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Lê Văn C yêu cầu ông Nguyễn Minh T, bà Huỳnh Thị Ngọc H trả lại số tiền mà ông C đã đóng hụi thay 38.000.000 đồng. Nên đây là tranh chấp đòi lại tài sản là tiền góp hụi, được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đối với ông T, bà H có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long). Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long (Trước đây là Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về xác định tư cách người tham gia tố tụng:* Ông C yêu cầu ông T, bà H trả lại tiền. Nên xác định ông C là nguyên đơn, ông T, bà H là bị đơn. Các đương sự không tranh chấp hay yêu cầu gì với ai khác trong cùng vụ án, nên không phát sinh thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với ông T, bà H là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo triệu tập đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên đối chất, nhưng bà H có đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt, còn ông T đều vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai đương sự tham gia phiên tòa xét xử vụ án đến lần thứ hai, nhưng họ vẫn vắng mặt. Nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt hai đương sự theo luật định.

[4] Tại phiên tòa, ông C tự nguyện rút phần yêu cầu tính tiền lãi trên số tiền đòi ông T, bà H trả lại. Nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phần yêu cầu này của ông C.

[5] *Xét phần yêu cầu đòi lại số tiền 38.000.000 đồng của ông C*:

Theo Điều 6 và Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định nghĩa vụ chứng minh là nghĩa vụ của các bên đương sự. Nguyên đơn ông C yêu cầu bị đơn bà H, ông T trả lại số tiền 38.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu, ông C có nộp cho Tòa án bản gốc Biên nhận nhận tiền ngày 11-11-2022 có nội dung bà H, ông T ký tên xác nhận có nhờ ông C hốt hụi thay, ông bà đã nhận tiền hốt hụi đầy đủ. Nhưng sau khi nhận được tiền hốt hụi, thì bà H, ông T không đóng hụi chết, dẫn đến việc đầu thảo hụi yêu cầu ông C phải thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết thay và ông C đã đóng hoàn thành đến mãn hụi bằng số tiền 38.000.000 đồng.

Ngày 31-7-2025, Tòa án đã tiến hành xác minh với bà Ngô Thị Kim L là đầu thảo dây hụi tháng 1.000.000 đồng mở ngày 18-10-2022 âm lịch. Bà L xác nhận dây hụi này đã mãn vào ngày 18-4-2024; Ông C là người đã đóng đầy đủ tiền hụi chết để bà giao cho các hụi viên được hốt trong dây hụi xong; Việc bà H, ông T mượn phần hụi của ông C để hốt hụi trong dây hụi thì bà có biết và đồng ý, nhưng không nắm rõ sự việc giao nhận tiền hụi giữa họ. Nay họ có tranh chấp, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Tranh chấp giữa ông C với bà H, ông T đã được thụ lý, giải quyết theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Hòa giải viên của Tòa án đã mời làm việc nhiều lần, ông T, bà H có nhận giấy mời hợp lệ nhưng không đến, vụ việc không hòa giải được nên Hòa giải viên kết thúc hồ sơ, chuyển trở lại Tòa án thụ lý, giải quyết theo luật tố tụng. Sau khi thụ lý vụ án, bà H, ông T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa, biết rõ việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ông C kiện đòi tiền với họ, được tống đạt thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ, nhưng họ vẫn cố tình trốn tránh không đến Tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến, cũng không nộp bất kỳ chứng cứ nào phản bác yêu cầu của ông C. Như vậy, ông T, bà H đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình trong vụ án này.

Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"* và tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự cũng quy định *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*.

[6] Từ những phân tích trên, yêu cầu đòi lại tiền đã góp hụi thay của ông C là có cơ sở chấp nhận; Buộc bà H, ông T phải có trách nhiệm trả cho ông C số tiền 38.000.000 đồng.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Yêu cầu của ông C được chấp nhận, nên ông không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã

đóng. Đối với bà H, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền phải trả lại cho ông C.

[8] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 91, 144, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 105, 164, 166, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn C.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Huỳnh Thị Ngọc H phải trả lại cho nguyên đơn ông Lê Văn C số tiền đã góp hụi thay là **38.000.000đ** (Ba mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ phần yêu cầu tính tiền lãi của ông Lê Văn C đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T, bà Huỳnh Thị Ngọc H, do ông C tự nguyện rút lại phần yêu cầu này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Minh T, bà Huỳnh Thị Ngọc H phải nộp 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Lê Văn C số tiền tạm ứng án phí 960.000đ (Chín trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004776 ngày 28 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Vĩnh Long).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 11 - Vĩnh Long;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Vĩnh Long;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Thảo